**Phụ lục**

**CÁC MẪU BIỂU SỬ DỤNG TRONG VIỆC KIỂM TRA NHÀ NƯỚC**

**VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA LƯU THÔNG TRÊN THỊ TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Thông tư số 01/2024/TT-BKHCN ngày 18 tháng 01 năm 2024*

*của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Ký hiệu** | **Tên mẫu biểu** |
| 1 | Mẫu 1. QĐ/ĐKT | Quyết định kiểm tra - Đoàn kiểm tra. |
| 2 | Mẫu 2. QĐ/KSV | Quyết định kiểm tra - Kiểm soát viên chất lượng. |
| 3 | Mẫu 3. BB/ĐKT | Biên bản kiểm tra - Đoàn kiểm tra. |
| 4 | Mẫu 4. BB/KSV | Biên bản kiểm tra - Kiểm soát viên chất lượng. |
| 5 | Mẫu 5. BBLM | Biên bản lấy mẫu. |
| 6 | Mẫu 6. BB/MHM | Biên bản mã hoá mẫu. |
| 7 | Mẫu 7. BB/GNM | Biên bản giao nhận mẫu. |
| 8 | Mẫu 8. TNPM | Tem niêm phong mẫu. |
| 9 | Mẫu 9. TNPHH | Tem niêm phong hàng hóa. |
| 10 | Mẫu 10. TB/KQTN | Thông báo kết quả thử nghiệm. |
| 11 | Mẫu 11. TB/TDLT | Thông báo tạm dừng lưu thông. |
| 12 | Mẫu 12. TB/TTLT | Thông báo về hàng hóa được tiếp tục lưu thông trên thị trường. |

**Mẫu 1. QĐ/ĐKT**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:     /QĐ-... | *……, ngày…… tháng…… năm 20……* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường**

**THẨM QUYỀN BAN HÀNH VĂN BẢN (1)**

*Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;*

*Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số*[*132/2008/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-132-2008-nd-cp-huong-dan-luat-chat-luong-san-pham-hang-hoa-83467.aspx)*ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường;*

*Căn cứ...........................(2).......;*

*Căn cứ.......................... (3).......;*

*Theo đề nghị của ........ (4)........*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Đoàn kiểm tra về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường, gồm các thành viên sau đây:

1. Họ tên và chức vụ: *..................*Trưởng đoàn

2. Họ tên và chức vụ: *..................* Thành viên

3. Họ tên và chức vụ: *..................* Thành viên

**Điều 2.** Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường tại *..................* (5) *..................*

- Nội dung kiểm tra:

- Đối tượng kiểm tra:

- Chế độ kiểm tra:

- Thời gian kiểm tra: từ ngày.... tháng.... năm.... đến ngày.... tháng.... năm....

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Đoàn kiểm tra, các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như điều 3;  - Lưu: VT, (*… đơn vị soạn thảo*)*.* | **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*(1) Thủ trưởng cơ quan kiểm tra ra quyết định;*

*(2) Nếu là kiểm tra theo kế hoạch: Ghi tên văn bản kế hoạch kiểm tra được phê duyệt;*

*Nếu là kiểm tra đột xuất: Ghi căn cứ kiểm tra đột xuất phù hợp quy định tại Điều 4 Thông tư này.*

*(3) Văn bản quy phạm pháp luật quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan ra quyết định;*

*(4) Thủ trưởng đơn vị có chức năng tham mưu đề xuất việc kiểm tra;*

*(5) Tên địa bàn kiểm tra.*

**Mẫu 2. QĐ/KSV**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:     /QĐ-*......* | *……, ngày …… tháng…… năm 20……* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường**

**THẨM QUYỀN BAN HÀNH VĂN BẢN (1)**

*Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;*

*Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số*[*132/2008/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-132-2008-nd-cp-huong-dan-luat-chat-luong-san-pham-hang-hoa-83467.aspx)*ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường;*

*Căn cứ Thông tư số … tháng … năm … của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường;*

*Căn cứ*........................... *(2)* ..................*;*

*Theo đề nghị của* .........*(3)* ...................

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**  Giao Ông/Bà .........................., chức vụ........................ là kiểm soát viên chất lượng, tiến hành kiểm tra về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường tại:

Tên cơ sở kiểm tra:................;

Địa chỉ:...................................

**Điều 2.** Ông/Bà……………. có nhiệm vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường với:

- Nội dung kiểm tra:

- Đối tượng kiểm tra:

- Chế độ kiểm tra:

- Thời gian kiểm tra từ ngày.... tháng.... năm.... đến ngày.... tháng.... năm....

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Ông/Bà……., các tổ chức cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như điều 3; - Lưu: VT, (*… đơn vị soạn thảo*)*.* | **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*(1) Thủ trưởng cơ quan ra quyết định;*

*(2) Văn bản quy phạm pháp luật quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của người ra quyết định.*

*(3) Thủ trưởng đơn vị có chức năng tham mưu đề xuất việc kiểm tra;*

**Mẫu 3. BB/ĐKT**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA **ĐOÀN KIỂM TRA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *……, ngày…… tháng…… năm 20……* |

**BIÊN BẢN KIỂM TRA**

**Chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường**

Số:.......................

*Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;*

*Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số*[*132/2008/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-132-2008-nd-cp-huong-dan-luat-chat-luong-san-pham-hang-hoa-83467.aspx)*ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường;*

*Căn cứ Thông tư số … tháng … năm … của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường;*

*Căn cứ….*

Đoàn kiểm tra về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường được thành lập theo Quyết định số....../QĐ-…… ngày...... tháng...... năm....... của............(1) đã tiến hành kiểm tra từ ngày...... tháng……. năm…... đến ngày…... tháng…... năm...... tại.................

**Thành phần Đoàn kiểm tra gồm**

1. *..................* chức vụ:  Trưởng đoàn

2. *..................* chức vụ:  Thành viên

3. *..................*

**Đại diện cơ sở được kiểm tra:**

1. .................. chức vụ: ..................

2. ..................

**Với sự tham gia của**

1. .................. chức vụ: ..................

2. ..................

**I. Nội dung, kết quả kiểm tra:**

*(Ghi theo các nội dung theo thực tế kiểm tra)*

**II. Nhận xét, đánh giá:**

*(Nhận xét, đánh giá về các nội dung theo thực tế kiểm tra tại thời điểm kiểm tra)*

**III. Các biện pháp xử lý, kiến nghị xử lý:**

**IV. Yêu cầu đối với cơ sở:**

**V. Ý kiến của đại diện cơ sở được kiểm tra:**

Biên bản được lập thành …. bản có giá trị như nhau vào hồi... giờ..... ngày..... tháng... năm.... tại............................, đã được các bên thông qua. Đại diện cơ sở được kiểm tra giữ một (01) bản, ... bản lưu tại đoàn kiểm tra./.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* | **TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*- (1) Chức danh của người ra Quyết định kiểm tra.*

*- Trường hợp Đoàn kiểm tra liên ngành số lượng biên bản sẽ tùy theo số cơ quan tham gia kiểm tra.*

**Mẫu 4. BB/KSV**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA **KIỂM SOÁT VIÊN  CHẤT LƯỢNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *……, ngày…… tháng……năm 20……* |
|  |  |

**BIÊN BẢN KIỂM TRA**

**Chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường**

Số:....................

*Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;*

*Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa;*

*Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số*[*132/2008/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-132-2008-nd-cp-huong-dan-luat-chat-luong-san-pham-hang-hoa-83467.aspx)*ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường;*

*Căn cứ Thông tư số … tháng … năm … của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường;*

*Căn cứ……*

Hôm nay, ngày ...... tháng ....... năm ......., Tôi........................ Kiểm soát viên chất lượng tiến hành kiểm tra tại: ..............................................................................................

Đại diện cơ sở được kiểm tra:.................................................................................

Người chứng kiến:..................................................................................................

**I. Nội dung, kết quả kiểm tra:**

*(Ghi theo các nội dung theo thực tế kiểm tra)*

**II. Nhận xét, đánh giá:**

*(Nhận xét, đánh giá về các nội dung theo thực tế kiểm tra tại thời điểm kiểm tra)*

**III. Các biện pháp xử lý, kiến nghị xử lý:**

**IV. Yêu cầu đối với cơ sở:**

**V. Ý kiến của đại diện cơ sở được kiểm tra được kiểm tra:**

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau vào hồi giờ...... ngày ….... tháng....... năm ........ tại..................................., đã được các bên thông qua. Đại diện cơ sở được kiểm tra giữ 01 bản. Kiểm soát viên chất lượng lưu 01 bản./.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐAI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* | **KIỂM SOÁT VIÊN CHẤT LƯỢNG** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu 5. BBLM**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA **ĐOÀN KIỂM TRA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *……, ngày…… tháng…… năm 20……* |

**BIÊN BẢN LẤY MẪU**

*Số.../.../BBLM-ĐKT*

*(Kèm theo Biên bản kiểm tra số:……)*

1. Tên cơ sở được lấy mẫu: ............................................................................

2. Địa chỉ cơ sở được lấy mẫu: .........................................................................

3. Đại diện cơ sở được lấy mẫu: (Họ tên, chức vụ, đơn vị)

........................................................................................................................

4. Người lấy mẫu: Họ tên, chức danh, đơn vị)

.........................................................................................................................

5. Phương pháp lấy mẫu: ................................................................................

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên mẫu, ký hiệu | Tên cơ sở và địa chỉ NSX/NK ghi trên nhãn hoặc tên, địa chỉ cơ sở cung cấp | Đơn vị tính | (Khối lượng/số lượng)/ mẫu | Khối lượng/số lượng hàng hóa tại thời điểm lấy mẫu | Ngày sản xuất (nếu có) | Thời hạn lưu mẫu | Ghi chú |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

6. Tình trạng mẫu:

- Mẫu được chia thành không quá 04 đơn vị mẫu: 01 đơn vị mẫu để thử nghiệm. Cơ sở được kiểm tra lưu không quá 03 đơn vị, được lưu tại …... (Số lượng của mỗi đơn vị mẫu bảo đảm đủ để thử các chỉ tiêu cần kiểm tra theo yêu cầu quản lý và phương pháp thử quy định).

- Mẫu được niêm phong có sự chứng kiến của đại diện cơ sở được lấy mẫu.

Biên bản được lập thành …… bản có giá trị như nhau, đã được các bên thông qua. Đại diện cơ sở được kiểm tra giữ một (01) bản, …... bản lưu tại đoàn kiểm tra./.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **NGƯỜI LẤY MẪU** *(Ký, ghi rõ họ tên)*  **ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu 6. BB/MHM**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  **TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *……., ngày …… tháng …… năm ……* |

**BIÊN BẢN MÃ HOÁ MẪU**

1. Họ tên người mã hóa mẫu: …………………………………………...……….

- Chức vụ: ……………………………………………………………………..

2. Họ tên người giám sát mã hóa mẫu:……………………………………………

- Chức vụ:………………………………………………………………………

3. Ngày giờ mã hóa mẫu: Lúc ……..giờ …...ngày …. … tháng …… năm ……

4. Địa điểm mã hóa mẫu: …………………………………………………………

6. Tình trạng mẫu:………………………………………………………………...

7. Lưu ý về mẫu ( nếu có):………………………………………………………..

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã hoá** | **Tên mẫu** | **Nơi lấy mẫu** | **Tên địa chỉ cơ sở sản xuất ghi trên nhãn** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI GIÁM SÁT**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **NGƯỜI MÃ HOÁ**  *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu 7. BB/GNM**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN  **TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *……, ngày …… tháng …… năm ……* |

**BIÊN BẢN GIAO NHẬN MẪU**

1. Bên giao: ………………………………………………………………………

- Họ tên CBCM/KSVCL: …………………………………………………….

- Chức vụ: …………………………………………………………………….

2. Bên nhận: ……………………………………………………………………..

* Họ tên người nhận:………………………………………………………..
* Chức vụ:……………………………………………………………………

3. Ngày giờ giao nhận mẫu: Lúc ……..giờ …..ngày …. … tháng …… năm …..

4. Địa điểm giao nhận mẫu:…………………………………………...…………..

5. Bảng thống kê mẫu:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên mẫu,**  **Mã hóa** | **Số lượng mẫu** | **Chi tiêu thử nghiệm** | **QCVN/TCVN/TCCS** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

6. Tình trạng mẫu:………………………………………………………………...……..

7. Lưu ý về mẫu ( nếu có):………………………………………………………………

**BÊN NHẬN BÊN GIAO**

*(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)*

**Mẫu 8. TNPM**

**TEM NIÊM PHONG MẪU**

*Số: …/TNPM*

*Kèm theo Biên bản lấy mẫu số………… ngày…… tháng…… năm……*

Tên mẫu: ................................................................................................................

Ký hiệu mẫu: ..........................................................................................................

Ngày lấy mẫu: .........................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI LẤY MẪU** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |
|  | **ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

*Ghi chú: Tem niêm phong được đóng dấu treo của cơ quan kiểm tra khi niêm phong mẫu.*

**Mẫu 9. TNPHH**

**TEM NIÊM PHONG HÀNG HÓA**

*Số: …/TNPHH*

*Kèm theo Biên bản niêm phong hàng hóa số......... ngày…… tháng…… năm ……*

Tên hàng hóa niêm phong: ……..............................................................................

Lượng hàng hoá niêm phong: …….........................................................................

Ngày niêm phong: ……..........................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI NIÊM PHONG** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC KIỂM TRA** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |
|  | **ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |
|  | |

*Ghi chú: Tem niêm phong được đóng dấu treo của cơ quan kiểm tra trước khi niêm phong hàng hóa.*

**Mẫu 10. TB/KQTN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | |
| Số:      /TB-…… | *……, ngày …… tháng …… năm 20……* |

**THÔNG BÁO**

**Kết quả thử nghiệm mẫu**

*Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;*

*Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*

*Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số*[*132/2008/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-132-2008-nd-cp-huong-dan-luat-chat-luong-san-pham-hang-hoa-83467.aspx)*ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường;*

*Căn cứ Thông tư số …ngày …… tháng …… năm …… của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường;*

*Căn cứ chức năng nhiệm vụ quyền hạn của (1) …… tại Quyết định số …… ngày…… tháng ……năm ……;*

*Căn cứ vào biên bản lấy mẫu số …… và kết quả thử nghiệm mẫu số ……;*

*Theo đề nghị của trưởng đoàn kiểm tra.*

………….. **(1) THÔNG BÁO**

**I. Kết quả thử nghiệm mẫu**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên mẫu, Ký hiệu | Tên cơ sở và địa chỉ NSX/NK ghi trên nhãn | Thuộc lô hàng (Khối lượng, ngày sản xuất, số lô, nếu có) | Chỉ tiêu chất lượng |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

Kết luận về chất lượng mẫu…………………………………………………

**II. Yêu cầu đối với cơ sở được kiểm tra:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Cơ sở được kiểm tra (để thực hiện); - Lưu: VT, (*… đơn vị soạn thảo*)*.* | **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA** *(Ký, ghi rõ họ tên vá đóng dấu)* |

**\_\_\_\_\_\_\_**

*(1) Cơ quan kiểm tra;*

*(2) Tên cơ sở được kiểm tra.*

**Mẫu 11. TB/TDLT**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:        /TB-... | *……, ngày……tháng…… năm 20……* |

**THÔNG BÁO**

**Đề nghị tạm dừng lưu thông hàng hóa**

*Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;*

*Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa;*

*Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số*[*132/2008/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-132-2008-nd-cp-huong-dan-luat-chat-luong-san-pham-hang-hoa-83467.aspx)*ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường;*

*Căn cứ Thông tư số……/TT-BKHCN ngày…… tháng …… năm …… của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường;*

*Căn cứ chức năng nhiệm vụ quyền hạn của (1)…… tại Quyết định số…… ngày…… tháng…… năm……;*

*Căn cứ Biên bản kiểm tra số ………ngày…… tháng…… năm…… tại……;*

*Căn cứ vào biên bản lấy mẫu số…… và kết quả thử nghiệm mẫu số……,*

*Theo đề nghị của trưởng đoàn kiểm tra.*

**... (1) THÔNG BÁO**

1. Đề nghị tạm dừng việc...... (*bán, lưu thông, sử dụng……)* hàng hóa *(Tên hàng - số lượng)* từ ngày…….. của:……….

- Tên tổ chức, cá nhân……..*(2)*

- Địa chỉ:…………………..

Lý do tạm dừng lưu thông (Ghi nội dung nhãn và/hoặc chỉ tiêu không đạt):

- Về nhãn hàng hóa:..........

- Về chất lượng:................

2. (2) có trách nhiệm liên hệ với người sản xuất, hoặc nhập khẩu để thực hiện các biện pháp xử lý, khắc phục trong thời hạn……. ngày. Hàng hóa nêu trên chỉ được phép tiếp tục lưu thông nếu đã thực hiện hành động khắc phục đạt yêu cầu và được cơ quan kiểm tra ra thông báo hàng hóa được tiếp tục lưu thông trên thị trường.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** -Người bán hàng (để thực hiện); - Cơ quan liên quan (để phối hợp); - Lưu: VT, (*… đơn vị soạn thảo*)*.* | **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

*(1) Cơ quan kiểm tra;*

*(2) Tên tổ chức, cá nhân (CSKD) có hàng hoá tạm dừng lưu thông.*

**Mẫu 12. TB/TTLT**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA**  Số:          /TB-... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *……, ngày……tháng …… năm 20……* |

**THÔNG BÁO**

**Về hàng hóa được tiếp tục lưu thông trên thị trường**

*Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;*

*Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa;*

*Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số*[*132/2008/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-132-2008-nd-cp-huong-dan-luat-chat-luong-san-pham-hang-hoa-83467.aspx)*ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường**;*

*Căn cứ Thông tư số …… tháng …… năm …… của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường;*

*Căn cứ Thông báo tạm dừng lưu thông hàng hóa số………;*

*Căn cứ kết quả hành động khắc phục đối với hàng hóa………*

**............. (1) THÔNG BÁO**

Tên hàng hóa.................... số lượng............ của:

- Tên tổ chức, cá nhân……….. (2)

- Địa chỉ:……………………….

Được tiếp tục lưu thông trên thị trường kể từ ngày ban hành thông báo này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Người bán hàng (để thực hiện); - Cơ quan liên quan (để phối hợp); - Lưu: VT, (*… đơn vị soạn thảo*)*.* | **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM TRA** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

*(1) Cơ quan kiểm tra;*

*(2) Tên tổ chức, cá nhân có hàng hóa được tiếp tục lưu thông*